

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LÀO CAI  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 27/9/2021  
V/v: “Kiện ly hôn,  
tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Lanh

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Vũ Thị Hòa;

2. Ông Hoàng Văn Ngân.

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Nhâm Đình Mạnh - Thư ký  
Toà án nhân dân thành phố Lào Cai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai*** tham  
gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, Toà án nhân  
dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia  
đình thụ lý số: 64/2021/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc kiện “Ly  
hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
29/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021 và quyết định hoãn phiên  
tòa số: 20/2021/QĐST-DS giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hải Y*** - Sinh năm 1986

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 01, phường P, thành phố L, tỉnh Lào  
Cai.

Nơi ở: Tổ 18, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt

***2. Bị đơn: Anh Đỗ Đức T*** - Sinh năm 1984

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ 01, phường P, thành phố L, tỉnh  
Lào Cai. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm  
Thị Hải Y trình bày:** Chị Phạm Thị Hải Y và anh Đỗ Đức T tự nguyện tìm hiểu  
và đăng ký kết hôn vào ngày 04/9/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân  
phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai theo đúng quy định pháp luật. Sau khi đăng

ký kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do Thiện không đi làm, kết bạn bè xấu tụ tập chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống vợ chồng, không làm tròn trách nhiệm nghĩa vụ của người chồng, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thiếu sự thông cảm chia sẻ với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hai bên gia đình, bạn bè khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Chị Y đã nhiều lần làm đơn lên Toà án đề nghị giải quyết ly hôn, nhưng do anh T gây rối không cho ly hôn nên chị Y phải rút đơn về. Chị Y và anh T đã sống ly thân hơn một năm nay. Nay chị Phạm Thị Hải Y nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Đức T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Tú A, sinh ngày 23/4/2014. Khi ly hôn chị Y đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Y được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A đến đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh T phải cấp cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị Y làm quản lý cho công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ SunLiFe Việt Nam thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 18.000.000đồng/tháng, toàn bộ tiền học, chi phí khám chữa bệnh của cháu A đề do chị Y chi trả, cháu A là con gái cần có mẹ dạy dỗ uốn nắn, hướng dẫn cháu về tâm sinh lý. Anh T không có công việc gì ổn định, thường xuyên vắng nhà, không chăm sóc, dạy bảo con.

Về tài sản: Chị Phạm Thị Hải Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Đỗ Đức T:** Toà án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Toà án, anh Đỗ Đức T không đến Toà án làm bản tự khai, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải anh T có mặt nhưng đã bỏ về không ký biên bản, vì vậy Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho chị Phạm Thị Hải Y được ly hôn anh Đỗ Đức T; Về con chung giao cháu Đỗ Tú A cho chị Phạm Thị Hải Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Đức T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Y. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Hải Y và anh Đỗ Đức T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 04/9/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ chồng chị Phạm Thị Hải Y cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do anh T không đi làm, kết bạn bè xấu tụ tập chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống vợ chồng, không làm tròn trách nhiệm nghĩa vụ của người chồng, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thiếu sự thông cảm chia sẻ với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Tại biên bản giao nhận ngày 12/7/2021 anh T có ghi “Tôi đồng ý ly hôn và tôi nuôi con, vợ tôi bỏ nhà đi gần hai năm nay chưa gặp lần nào”. Xét việc xin ly hôn của chị Y thì thấy rằng chị Y đã hai lần làm đơn lên toà án đề nghị giải quyết ly hôn, nhưng Toà án đã đình chỉ do chị Y rút đơn như vậy thể hiện khả năng vợ chồng hàn gắn tình cảm là không có; Tại đơn xin xác nhận ngày 15/7/2021 của chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ tháng 3/2021, chị Y không còn chung sống cùng anh T tại tổ 1, phường P nữa. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa chị Y và anh t đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Hải Y với anh Đỗ Đức T

[2.2] Về con chung: Xét việc giao nuôi con thì thấy rằng hiện tại cháu Đỗ Tú A đang ở cùng anh T tại tổ 1, phường P, cháu A có nguyện vọng được ở cùng với anh T, tuy nhiên qua các tài liệu chứng cứ thu thập được xác định được chị Y làm việc cho công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ SunLiFe Việt Nam thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 18.000.000đồng/tháng, tiền nộp chi phí học tập cho cháu A do chị Y nộp; Công an phường P cung cấp cho Toà án đơn của bà Từ Thị Kim N là mẹ đẻ anh Đỗ Đức T, trong đơn bà N trình bày anh T chơi cờ bạc nên nợ nần nhiều, đã bỏ việc, gia đình đã phải bán đất, cầm sổ lương hưu để trả nợ cho anh T, thường xuyên vắng nhà, đi thâu đêm...Như vậy xét yêu cầu của chị Phạm Thị Hải Y đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cháu Đỗ Tú A đến tuổi trưởng thành là có căn cứ để chấp nhận. Anh Đỗ Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y

[2.3] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Hải Y không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Hải Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

Từ những nhận định trên:

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hải Y.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Hải Y và anh Đỗ Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Tú A, sinh ngày 23/4/2014 cho chị Phạm Thị Hải Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Đỗ Tú A đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Hải Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Xác nhận chị Y đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000769 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai được trừ vào tiền án phí phải nộp.

4. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Hải Y, anh Đỗ Đức T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; TP
- Các đương sự;
- THADS;
- UBND phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai
- Lưu.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Tuyết Lanh**